

Số: 23/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 24 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 39/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị La Thị T; sinh năm: 1988; dân tộc: Tày; nghề nghiệp: trồng trọt; căn cước công dân số: 002188001775 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C cấp ngày 16/4/2021; địa chỉ: Thôn B, xã Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Nông Văn T1, sinh năm 1992; nghề nghiệp: Trồng trọt; dân tộc: Tày; căn cước công dân số: 002092001438 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C cấp ngày 25/4/2021; địa chỉ: Thôn B, xã Y, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị La Thị T và anh Nông Văn T1.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị T và anh Nông Văn T1 nhất trí thuận tình ly hôn. (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, ngày 15/3/2017 của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang nay là Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Tuyên Quang).

- Về con chung: Chị La Thị T và anh Nông Văn T1 thỏa thuận chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là Nông Thị Anh T2, sinh ngày 12/01/2017, Nông Thị T3, sinh ngày 11/7/2019, Nông Thị Ánh H, sinh ngày 01/5/2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị La Thị T và anh Nông Văn T1 xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với chị La Thị T. Chị La Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm của anh Nông Văn T1 là 75.000^d (bảy mươi lăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001042, ngày 20/5/2026. Trả lại cho chị La Thị T số tiền 225.000^d (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 7 – Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Cường, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Đạt

